

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - HUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2026/HNGĐ-ST.

Ngày: 10 - 7 - 2026.

“V/v Xác định cha cho con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Đoàn và bà Đinh Thị Hà Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền Trang - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 - Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2026/TLST-HNGĐ ngày 27/3/2026 về việc “Xác định cha cho con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị A Viêt Thị Hương E, sinh năm 2002; căn cước công dân số 046302008490, cấp ngày 02/12/2022, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ: Thôn P, xã A, thành phố Huế. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Mai Xuân L, sinh năm 2002; căn cước công dân số 046202011901, cấp ngày 09/5/2021, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ: số B đường N, phường T, thành phố Huế. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Công T, sinh năm 1999; địa chỉ: số X đường D, phường T, thành phố Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/3/2026 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị A Viêt Thị Hương E trình bày:

Chị A Viêt Thị Hương E và anh Nguyễn Công T kết hôn vào ngày 06/11/2020 và có con chung là Nguyễn Công Thành Đ sinh ngày 20/12/2020. Sau khi kết hôn, chị Em và anh T sống chung được một thời gian, sau đó, chị Em và anh T thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 80/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18/8/2025 của Toà án nhân dân khu vực 1 - Huế. Trong thời gian ly thân và còn trong thời kỳ hôn nhân với anh T, thì chị E đã có quan hệ với anh Mai Xuân L và chị đã mang thai, đến ngày 06/3/2025 thì chị sinh được 01 bé trai theo Giấy chứng sinh số 0000325/25, quyền số 2025 ngày 07/3/2025 của Bệnh viện T1, thành phố Huế.

Nay chị Em yêu cầu Toà án xác định anh Mai Xuân L là cha đẻ của cháu Mai Xuân L1 (tên dự kiến) theo Kết quả xét nghiệm ADN vào ngày 27/02/2026 của Công ty TNHH D.

Bị đơn là anh Mai Xuân L thừa nhận những lời khai của chị A Viết Thị Hương E trên đây là đúng sự thật. Anh L và chị E có quan hệ tình cảm với nhau từ năm 2024 trong khi chị E vẫn đang trong thời kỳ hôn nhân với anh Nguyễn Công T. Vào ngày 06/3/2025 thì chị E có sinh một cháu trai tên dự kiến là Mai Xuân L1 là con của anh với chị E. Nay anh L đồng ý xác nhận anh là cha đẻ của cháu Mai Xuân L1 dựa trên kết quả xác nhận ADN vào ngày 27/02/2026.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Công T để anh trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị A Viết Thị Hương E nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt, không hợp tác, do đó Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng với quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và áp dụng các Điều 88, 91 và khoản 2 Điều 101 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A Viết Thị Hương E, xác định anh Mai Xuân L là cha đẻ của cháu có tên dự kiến Mai Xuân L1, sinh ngày 06/3/2025 theo theo Giấy chứng sinh số 0000325/25 ngày 07/3/2025; về án phí: Chị E được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Quan hệ tranh chấp giữa chị A Viết Thị Hương E và anh Mai Xuân L là tranh chấp xác định cha cho con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 4 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đang trú tại phường T, thành phố Huế nên Tòa án nhân dân khu vực 1 - Huế thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Tại phiên toà nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Công T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Xét yêu cầu xác định cha cho con của chị A Viết Thị Hương E thấy rằng: Chị E và anh L quan hệ với nhau và có thai trong thời kỳ chị E và anh Nguyễn Công T đang trong thời kỳ hôn nhân. Vào ngày 18/8/2025, quan hệ hôn nhân giữa chị E và anh T chấm dứt theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 80/2025/QĐST-HNGD ngày 18/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Huế. Vào ngày 06/3/2025, chị E đã sinh 01 cháu trai theo Giấy chứng sinh số 0000325/25, quyển số 2025 ngày 07/3/2025 của Bệnh viện T1, thành phố Huế, cháu được đặt tên dự kiến là Mai Xuân L1.

Ngày 05/5/2026, Tòa án đã gửi cho Công ty TNHH D Công văn số 75/CV-TA về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ. Ngày 07/5/2026, Công ty TNHH D đã cung cấp bản sao Kết quả xét nghiệm ADN số BT26.1033 ngày 27/2/2026 và bản sao Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh ngày 26/1/2026; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH D hai thành viên trở lên đăng ký lần đầu ngày 26/9/2015; Thông báo thay đổi địa chỉ công ty ngày 23/8/2025; Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 22/12/2021; Bản sao Quyết định về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật chuyên môn đối với Cơ sở xét nghiệm thuộc Chi nhánh 2- Công ty TNHH D ngày 26/01/2026. Do đó, Công ty TNHH D hoạt động hợp pháp trong lĩnh vực xét nghiệm ADN.

Theo Kết quả xét nghiệm ADN số BT26.1033 ngày 27/2/2026 của Công ty TNHH D, kết luận: “Ông Mai Xuân L (Sinh ngày 28/7/2002; căn cước công dân số: 046202011901, cấp ngày 09/5/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ thường trú: số B đường N, phường T, thành phố Huế) có quan hệ huyết thống bố - con với người có tên dự kiến Mai Xuân L1 (giới tính Nam; sinh ngày: 06/3/2025; giấy chứng sinh số 0000325/25, quyển số 2025, ngày cấp 07/3/2025, nơi cấp Bệnh viện T1; ký hiệu mẫu: BT26.1033.C_M)), độ tin cậy > 99,9999%”.

Chị A Viết Thị Hương E và anh Mai Xuân L đều đồng ý với kết luận phân tích ADN và đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị A Viết Thị Hương E. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Công T đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ nhưng trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không đưa ra các chứng cứ phản bác với yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Từ phân tích nêu trên, căn cứ vào Điều 88, Điều 91, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn

khởi kiện của chị A Viết Thị Hương E, xác định anh Mai Xuân L là cha đẻ của cháu Mai Xuân L1, sinh ngày: 06/3/2025, Giấy chứng sinh số 0000325/25, quyền số 2025 ngày 07/3/2025 của Bệnh viện T1, thành phố Huế như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị A Viết Thị Hương E được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 88; Điều 91; khoản 2 Điều 101; khoản 2 Điều 102 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị A Viết Thị Hương E.

Xác định anh Mai Xuân L, sinh ngày 28/7/2002; căn cước công dân số: 046202011901, cấp ngày 09/5/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ: Tổ F, phường T, thành phố Huế là cha đẻ của người có tên dự kiến Mai Xuân L1; giới tính Nam; sinh ngày: 06/3/2025 theo giấy chứng sinh số 0000325/25, quyền số 2025, ngày cấp 07/3/2025, nơi cấp Bệnh viện T1.

2. Về án phí: Chị A Viết Thị Hương E được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TADN thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1 - Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- UBND P. Thuận Hóa, TP. Huế;
- UBND xã A Lưới 4, TP Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Hạnh